TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 -7-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhân Phái.

2. Ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Công H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/3/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Trương Công H có sự tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống với nhau từ năm 1997, đến ngày 24/7/2002 tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn C), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống có hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 5/2013 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh H

không có trách nhiệm với vợ con. Năm 2017, chị Ng có làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện P xin ly hôn anh Trương Công H. Quá trình Tòa án hòa giải, vợ chồng trở về chung sống với nhau nhưng chị và anh H vẫn sống ly thân. Từ tháng 5/2013, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Ng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Trương Công H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày vợ chồng có 02 người con chung tên là Trương Công L, sinh ngày 01/01/1998; Trương Quốc Đ, sinh ngày 21/4/2004. Hiện nay cả 02 người con chung đang sống cùng với chị Ng.

Đối với cháu Trương Công L đã trên 18 tuổi, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ng yêu cầu giao cháu Đ cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và yêu cầu anh Trương Công H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Đến ngày 07/5/2018, chị Ng xin thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị nhận nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Ánh Ng đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị Ng; 02 bản sao giấy khai sinh các cháu Trương Công L; Trương Quốc Đ; bản sao sổ hộ khẩu.

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Trương Công H. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, anh H đã đến Tòa án trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh Ng có thời gian ngắn quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau từ năm 1997, ngày 24/7/2002 tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn C), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống có hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 5/2013 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được anh em hai bên gia đình hòa giải, khuyên ngăn nhưng không được. Năm 2017, chị Ng có làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện P xin ly hôn anh Trương Công H. Quá trình Tòa án hòa giải, vợ chồng trở về chung sống với nhau nhưng anh H và chị Ng vẫn sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được.

- Về con chung: Anh Trương Công H cũng thừa nhận vợ chồng có 02 người con chung tên là Trương Công L, sinh ngày 01/01/1998; Trương Quốc Đ, sinh ngày 21/4/2004.

Đối với cháu Trương Công L đã trên 18 tuổi, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh cũng đồng ý để chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi và anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung thì anh H thừa nhận đúng như chị Ng đã trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/7/2018, Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Trương Công H vắng mặt lần thứ nhất. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 20/7/2018; đồng thời thực hiện thủ tục tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay (20/7/2018), anh H vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Công H cơ bản đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh H đã không có mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/5/2018 và ngày 28/5/2018,; vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/7/2018 và tại phiên tòa hôm nay 20/7/2018, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trương Công H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn C), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, việc kết hôn là hợp pháp. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh H không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 5/2013, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn giữa chị Ng và anh H là trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được.

Về con chung, chị Ng và anh H có 02 người con chung tên là Trương Công L, sinh ngày 01/01/1998; Trương Quốc Đ, sinh ngày 21/4/2004. Đối với cháu Trương

Công L đã trên 18 tuổi, chị Ng, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị Ng yêu cầu giao cháu Đ cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý với ý kiến của chị Ng. Việc giao cháu Trương Quốc Đ cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và yêu cầu của chị Ng, anh H.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh Ng. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trương Quốc Đ, sinh ngày 21/4/2004 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: chị Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn anh Trương Công H là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trương Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 24/7/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị Ng và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị Ng và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, chị Ng và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2013 cho đến nay. Năm 2017, chị Ng có làm đơn ra Tòa xin ly hôn anh Trương Công H. Quá trình hòa giải, vợ chồng trở về chung sống với nhau nhưng chị và anh H vẫn sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được.

Quá trình Tòa án có tiến hành lấy lời khai của anh H nhưng anh H không thể hiện là việc chị Ng xin ly hôn thì anh đồng ý hay xin đoàn tụ, nhưng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh H và chị Ng không liên lạc với nhau, không tìm những giải pháp để hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; chị Ng cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Xét thấy, chị Ng và anh H đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh Ng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trương Công H có 02 người con chung tên là Trương Công L, sinh ngày 01/01/1998; Trương Quốc Đ, sinh ngày 21/4/2004. Đối với cháu Trương Công L đã trên 18 tuổi, chị Ng, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Ng yêu cầu giao cháu Đ cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu Đ đang ở với chị Ng và quá trình làm việc tại Tòa án thì cháu Đ cũng có nguyện vọng ở với mẹ, nên cần giao cháu Đ cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Trương Công H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trương Công H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng. Chị Ng được ly hôn anh Trương Công H.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Trương Quốc Đ, sinh ngày 21/4/2004 cho chị Nguyễn Thị Ánh Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Trương Công H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Công H có quyền, nghĩa vụ vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trương Công H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001839, ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Ngọc Tú